

Bản án số: 08/2026/DS-ST.

Ngày: 12/02/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

- Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Tường Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Viết L – sinh năm 1959

Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1961;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ là ông Lê Viết L (theo giấy uỷ quyền ngày 16/12/2025).

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh T.

Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị H – sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Viết L và bà Nguyễn Thị Đ đều có chung quan điểm trình bày:

Tháng 3/2018, bà Trịnh Thị H có vay vợ chồng ông Lê Viết L, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), trong giấy vay nợ không ghi lãi suất, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng. Thời hạn vay đến ngày 30/5/2018, bà H sẽ trả toàn bộ số tiền vay trên cho ông L, bà Đ. Đến hạn trả nợ, không thấy bà H trả nợ, ông L và bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H vẫn cố tình khất lần không chịu trả nợ. Vì vậy, ông Lê Viết L và bà Nguyễn Thị Đ đề nghị Tòa án buộc bà Trịnh Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), ông L và bà Đ không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi.

Bị đơn bà Trịnh Thị H sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của bà H.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/11/2025, Công an xã T, tỉnh T nơi bà Trịnh Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: bà H có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T. Bà H đang sinh sống và làm việc tại địa phương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Viết L, bà Nguyễn Thị Đ, buộc bà Trịnh Thị H phải có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền nợ gốc đã vay là 123.000.000 đồng cho vợ chồng ông L, bà Đ.

- Về án phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Viết L và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị H phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 123.000.000 đồng. Bà H cư trú tại thôn P, xã T, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 -

Thanh Hóa theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản – Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Trịnh Thị H đến Tòa án để làm bản tự khai, trình bày ý kiến nhưng bà H không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có lời khai của bà H. Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng bà H không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bà H và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bà H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ bà H cố tình trốn tránh. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu về trả tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án bà Trịnh Thị H không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, căn cứ vào giấy vay tiền thể hiện bà Trịnh Thị H có vay của ông **Lê Viết L**, bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng), trong giấy vay tiền không ghi ngày vay, không ghi thoả thuận về lãi suất, nhưng có thoả thuận về ngày trả nợ là ngày 30/5/2018. Như vậy, khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, không có lãi. Bà Trịnh Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Do đó, ông Lê Viết L, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bà H phải trả cho ông L, bà Đ số tiền nợ gốc đã vay là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Trịnh Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Lê Viết L, bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc đã vay là 123.000.000 đồng phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Trong giấy vay nợ không thoả thuận lãi suất, ông L, bà Đ cho rằng lúc vay hai bên có thoả thuận bằng lời nói với nhau lãi suất 1%/tháng, quá trình giải quyết vụ án không lấy được ý kiến của bị đơn, ông L, bà Đ cũng không yêu cầu bị đơn là bà H phải trả lãi phát sinh. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Viết L và bà Nguyễn Thị Đ được chấp nhận nên bà Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Viết L và bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Trịnh Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Viết L và bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ đã vay là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu L pháp luật và ông Lê Viết L và bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Trịnh Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu 6.150.000 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa

đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang